

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

THUYẾT MINH KẾT QUẢ THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI NĂM 2020

HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN

Văn Quan, năm 2021

BÁO CÁO
Kết quả thống kê đất đai năm 2020 huyện Văn Quan

Thực hiện các Công văn số 297/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 26/02/2021; số 390/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 15/3/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn về việc hoàn thiện sản phẩm thống kê đất đai năm 2020.

Căn cứ kết quả thống kê đất đai của UBND các xã, thị trấn. UBND huyện Văn Quan báo cáo kết quả thống kê đất đai năm 2020 trên địa bàn toàn huyện như sau:

I. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TÁC THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI NĂM 2020

1. Sự cần thiết của công tác thống kê đất đai

Đất đai là tài sản quốc gia, tài sản tư liệu sản xuất chủ yếu, đối tượng lao động và môi trường sống của xã hội. Việc khai thác, sử dụng, quản lý và bảo vệ đất một cách khoa học không chỉ quyết định tương lai của nền kinh tế đất nước mà còn là sự đảm bảo cho mục tiêu ổn định và phát triển kinh tế - xã hội. Thống kê đất đai hàng năm nhằm đánh giá hiện trạng sử dụng đất và làm cơ sở để quản lý, sử dụng đất đạt hiệu quả, cung cấp thông tin, số liệu làm căn cứ để lập điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, cung cấp thông tin đất đai cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục - đào tạo và các nhu cầu khác của Nhà nước và xã hội; làm cơ sở đề xuất việc điều chỉnh chính sách, pháp luật về đất đai.

2. Căn cứ pháp lý của công tác thống kê đất đai năm 2020

- Luật Đất đai năm 2013;
- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

3. Mục đích công tác thống kê đất đai năm 2020

- Đánh giá hiện trạng sử dụng đất và làm cơ sở để quản lý, sử dụng đất đạt hiệu quả.
- Cung cấp thông tin, số liệu, tài liệu làm căn cứ để lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.
- Làm cơ sở đề xuất việc điều chỉnh chính sách, pháp luật về đất đai.
- Cung cấp số liệu để xây dựng niên giám thống kê các cấp và phục vụ nhu cầu thông tin đất đai cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục và đào tạo và các nhu cầu khác của Nhà nước và xã hội.

4. Nội dung công tác thống kê đất đai năm 2020

- Thu thập các hồ sơ, tài liệu, số liệu liên quan đến biến động đất đai trong năm 2020.

- Xử lý, tổng hợp số liệu và lập các biểu thống kê đất đai ở các cấp theo quy định.

- Phân tích, đánh giá, hiện trạng sử dụng đất, biến động đất đai, đề xuất các giải pháp tăng cường về quản lý nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Xây dựng báo cáo thống kê đất đai.

5. Phương pháp thực hiện thống kê đất đai năm 2020

Việc thống kê đất đai năm 2020 của huyện Văn Quan được thực hiện trên cơ sở tổng hợp các biến động đất đai trong năm 2020 để làm căn cứ chỉnh lý số liệu kiểm kê đất đai năm 2019 của huyện. Kết quả tổng hợp các trường hợp biến động đất đai phải được cập nhật theo hệ thống Biểu mẫu được quy định tại Điều 12, Điều 19 Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

Trên cơ sở các biến động trong năm 2020 được khoanh vẽ, chỉnh lý vào bản đồ khoanh đất năm 2019 để cập nhật, tổng hợp số liệu trên phần mềm Tk Online của Bộ Tài nguyên và Môi trường đến từng đơn vị hành chính cấp xã, từ đó tổng hợp được số liệu cấp huyện.

6. Tổ chức thực hiện

Thực hiện Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn công tác thống kê đất đai tại Công văn số 209/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 05/02/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn về việc thực hiện thống kê đất đai năm 2020. UBND huyện Văn Quan đã ban hành Công văn số 258/UBND-TNMT ngày 22/02/2021 về việc thực hiện thống kê đất đai năm 2020 trên địa bàn huyện Văn Quan. Trong đó giao cho UBND các xã rà soát thực tế các trường hợp đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và đăng ký biến động đất đai để xác định và chỉnh lý bản đồ khoanh đất đối với các trường hợp biến động về loại đất, loại đối tượng sử dụng đất, đối tượng quản lý đất trong năm 2020. Sau khi nhận được Công văn UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đã tiến hành rà soát, tổng hợp số liệu thống kê năm 2020 dựa trên kết quả kiểm kê năm 2019, hồ sơ địa chính và số liệu biến động đất đai năm 2020 trên địa bàn. Các biến động đã được cập nhật, chỉnh lý vào bản đồ điều tra thống kê năm 2020 của xã. Trên cơ sở đó tổng hợp được số liệu thống kê đất đai cấp huyện.

Trên cơ sở các biến động trong năm 2020 được khoanh vẽ, chỉnh lý vào bản đồ khoanh đất năm 2019 để cập nhật, tổng hợp số liệu trên phần mềm Tk Destop của Bộ Tài nguyên và Môi trường đảm bảo theo hướng dẫn. Từ đó UBND huyện Văn Quan đã cập nhật số liệu thống kê đất đai năm 2020 đối với 17 xã, thị trấn lên phần mềm Tk Online của Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp số liệu cấp huyện và cập nhật Biểu số 15/TKĐĐ theo quy định.

Hệ thống biểu số liệu thống kê đất đai 2020 của huyện gồm các biểu:

- Biểu 01/TKĐĐ: Thống kê định kỳ diện tích đất đai.
- Biểu 02/TKĐĐ: Thống kê định kỳ diện tích đất nông nghiệp.
- Biểu 03/TKĐĐ: Thống kê định kỳ diện tích đất phi nông nghiệp.
- Biểu 04/TKĐĐ: Thống kê định kỳ diện tích đất phân theo từng đơn vị hành chính.
- Biểu 05/TKĐĐ: Thống kê định kỳ diện tích đất đã được giao, được thuê, được chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa thực hiện.
- Biểu 11/TKĐĐ: Thống kê định kỳ diện tích đất đô thị.
- Biểu 12/TKĐĐ: Phân tích nguyên nhân tăng, giảm diện tích các loại đất.
- Biểu 13/TKĐĐ: Cơ cấu diện tích theo mục đích sử dụng đất và đối tượng sử dụng, quản lý đất.
- Biểu 14/TKĐĐ: Biến động diện tích theo mục đích sử dụng đất.
- Biểu 15/TKĐĐ: So sánh hiện trạng sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất.

II. THUYẾT MINH SỐ LIỆU THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI NĂM 2020 CỦA HUYỆN VĂN QUAN

1. Hiện trạng sử dụng các loại đất

Tổng diện tích đất tự nhiên của huyện tính đến ngày 31/12/2020 là 54.756,9ha. Trong đó: đất nông nghiệp của huyện là 47.425,0ha chiếm 86,61% tổng diện tích đất tự nhiên; đất phi nông nghiệp là 2.810,4ha chiếm 5,13% tổng diện tích đất tự nhiên; đất chưa sử dụng là 4.521,4ha chiếm 8,26% so với tổng diện tích tự nhiên.

a) Đất nông nghiệp

Theo kết quả thống kê đất đai năm 2020 cho thấy, tổng diện tích đất nông nghiệp tính đến ngày 31/12/2020 của huyện là 47.425,0 ha. Trong đó các loại đất được thể hiện chi tiết như sau:

STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT	Mã	Diện tích (ha)	So với tổng diện tích TN (%)	So với đất N.nghiệp (%)
1	Đất nông nghiệp	NNP	47.425,0	86,61	100,00
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	8.529,9	15,58	17,99
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	7.480,5	13,66	15,77
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.900,7	7,12	8,22
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	3.579,8	6,54	7,55
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.049,3	1,92	2,21
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	38.795,2	70,85	81,80
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	31.478,5	57,49	66,38

1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	6.247,0	11,41	13,17
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD	1.069,7	1,95	2,26
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	98,7	0,18	0,21
1.4	Đất làm muối	LMU			
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	1,2	0,00	0,00

b) Đất phi nông nghiệp

Đất phi nông nghiệp toàn huyện đến ngày 31/12/2020 là 2.810,4ha.

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu(%)	
				So với DTTN	So với đất PNN
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2.810,4	5,13	100,00
2.1	Đất ở	OTC	676,6	1,24	24,08
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	619,0	1,13	22,03
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	57,6	0,11	2,05
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	1.354,6	2,47	48,20
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	8,7	0,02	0,31
2.2.2	Đất quốc phòng	CQP	17,5	0,03	0,62
2.2.3	Đất an ninh	CAN	1,5	0	0,05
2.2.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	64,9	0,12	2,31
2.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	35,2	0,06	1,25
2.2.6	Đất có mục đích công cộng	CCC	1.226,9	2,24	43,66
2.3	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,1	0	0,00
2.4	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	4,9	0,01	0,17
2.5	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT	NTD	27,4	0,05	0,98
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	715,6	1,31	25,46
2.7	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	31,2	0,06	1,11
2.8	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,0	0,00	100,00

Qua bảng tổng hợp trên cho thấy, quỹ đất sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp của huyện đến ngày 31/12/2020 là 2.810,4ha, chiếm 5,13 tổng diện tích đất tự nhiên toàn huyện, trong đó:

* **Đất ở:** diện tích 676,6ha, chiếm 1,24 tổng diện tích đất tự nhiên toàn huyện, trong đó:

- Đất ở tại nông thôn: diện tích 619,0ha chiếm 1,13 tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.

- Đất ở đô thị: diện tích 57,6ha chiếm 0,11 tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.

* **Đất chuyên dùng:** diện tích 1.354,6ha chiếm 2,47% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện, bao gồm các loại đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp; đất xây dựng, mặt bằng sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp; đất quốc phòng; đất an ninh; đất có mục đích công cộng, trong đó:

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: diện tích 8,7ha chiếm 0,02% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện là diện tích đất trụ sở UBND các xã, UBND huyện đóng trên địa bàn huyện.

- Đất quốc phòng: diện tích 17,5ha chiếm tỷ lệ 0,03% trong tổng diện tự nhiên toàn huyện.

- Đất an ninh: diện tích 1,5ha chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong tổng diện tự nhiên toàn huyện.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: diện tích 64,9ha chiếm 0,12% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện, gồm các cơ quan sự nghiệp, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức sự nghiệp công lập trên địa bàn.

+ Đất xây dựng cơ sở văn hoá: diện tích 1,8ha là các trung tâm văn hoá huyện, Nhà Văn hoá huyện, tượng đài, bia tưởng niệm tại các xã.

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: diện tích 4,3ha gồm diện tích của Trung tâm Y tế, và các Trạm Y tế của các xã trên địa bàn huyện.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: diện tích 39,4ha gồm diện tích Phòng Giáo dục và Đào tạo, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, các trường THPT công lập, trường PTCS, trường tiểu học, trường mầm non đóng trên địa bàn huyện.

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: diện tích 18,2ha gồm diện tích các cơ sở thể dục thể thao, sân bóng đá, sân bóng chuyền có trên địa bàn các xã trong huyện.

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác: diện tích 0,1ha.

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: diện tích 35,2ha chiếm 0,06% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện, gồm trụ sở làm việc và các cơ sở sản xuất, kinh doanh của các nhà máy, công ty và một số mặt bằng sản xuất, kinh doanh của các hộ gia đình cá nhân,...

+ Đất thương mại, dịch vụ: diện tích 3,2ha chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong tổng diện tích tự nhiên;

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: diện tích 7,4ha gồm trụ sở làm việc và các cơ sở sản xuất, kinh doanh của các công ty, nhà máy trên địa bàn huyện và một số cơ sở sản xuất, kinh doanh của các hộ gia đình cá nhân.

+ Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: diện tích 16,8ha.

+ Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: diện tích 7,7ha gồm đất của các cơ sở khai thác đá, sản xuất gạch, làm vật liệu xây dựng phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày của Nhân dân.

- Đất có mục đích công cộng: diện tích 1.226,9ha chiếm 2,22% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện, bao gồm các loại đất sau:

+ Đất giao thông: diện tích 1.068,7ha là diện tích đường Quốc lộ 1B, 279, tỉnh lộ 232, 239 và toàn bộ hệ thống đường liên huyện, liên xã, đường thôn, xóm. UBND xã quản lý hệ thống đường liên xã, liên thôn, đường thôn xóm.

+ Đất thủy lợi: diện tích 61,2ha là hệ thống kênh mương, hồ chứa nước phục vụ tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp.

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa: diện tích 0,2ha chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong tổng diện tích tự nhiên;

+ Đất sinh hoạt cộng đồng: diện tích 7,0ha chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong tổng diện tích tự nhiên;

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: diện tích 0,1ha chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong tổng diện tích tự nhiên;

+ Đất công trình năng lượng: diện tích 72,1ha là diện tích các cột thu phát sóng, các trạm biến áp và hệ thống hành lang bảo vệ đường điện cao thế có trên địa bàn huyện.

+ Đất công trình bưu chính, viễn thông: diện tích 1,0ha là diện tích của bưu điện huyện và các bưu điện văn hoá xã có trên địa bàn huyện.

+ Đất chợ: diện tích 6,9ha gồm các chợ của các xã trong huyện.

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải: diện tích 9,7ha là diện tích của các bãi rác thải có trên địa bàn các xã trong huyện.

* **Đất cơ sở tôn giáo:** diện tích 0,1ha, chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong tổng diện tích tự nhiên.

* **Đất cơ sở tín ngưỡng:** diện tích 4,9ha, chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong tổng diện tích tự nhiên.

* **Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng:** diện tích 27,4ha chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong tổng diện tích tự nhiên toàn huyện bao gồm diện tích nghĩa trang liệt sĩ và đất nghĩa địa của 17/17 xã, thị trấn trong huyện.

* **Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:** diện tích 715,6ha gồm diện tích của hệ thống các con sông chảy qua địa bàn và hệ thống kênh mương, hệ thống suối có trên địa bàn các xã trong toàn huyện.

* **Đất có mặt nước chuyên dùng:** diện tích 31,2ha là diện tích các hồ có trên địa bàn huyện.

Nhận xét chung:

Việc sử dụng đất đai vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn huyện trong những năm gần đây đã dần đi vào nề nếp. Việc sử dụng đất đai cơ bản được thực hiện theo quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất của huyện.

c) Đất chưa sử dụng

Hiện trạng đất chưa sử dụng của huyện Văn Quan được tổng hợp theo bảng sau:

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
				So với DTTN	So với đất CSD
3	Đất chưa sử dụng	CSD	4.517,2	8,26	100,00
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BSC	329,1	0,60	7,28
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	655,4	1,20	14,50
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS	3.536,9	6,46	78,23

Quỹ đất chưa sử dụng trên địa bàn huyện Văn Quan hiện còn ít, chủ yếu là núi đá không có rừng cây. Diện tích đất chưa sử dụng này chủ yếu do Ủy ban nhân dân các xã quản lý.

Do điều kiện địa hình cao, dốc các xã đã chú trọng phát triển lâm nghiệp nên đất trống chưa được sử dụng còn ít, chiếm diện tích nhỏ trong tổng quỹ đất của huyện.

Hiện trạng sử dụng đất, cơ cấu diện tích theo mục đích sử dụng đất và đối tượng sử dụng, quản lý đất đến ngày 31/12/2020 của huyện được thể hiện chi tiết ở các biểu 01/TKĐĐ, 02/TKĐĐ, 03/TKĐĐ, 13/TKĐĐ.

2. Các trường hợp có quyết định giao, cho thuê, chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa thực hiện

Diện tích đất đã có quyết định giao, cho thuê, chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa thực hiện trên địa bàn huyện trong năm thống kê là không có.

3. Tình hình biến động đất đai năm 2020

3.1. Biến động đất đai năm 2020 so với năm 2019

Biến động đất đai năm 2020 so với năm 2019 được tổng hợp theo bảng sau:

TT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	Mã	Diện tích năm 2020 (ha)	Diện tích năm 2019 (ha)	Tăng (+) giảm (-)
----	------------------	----	-------------------------	-------------------------	----------------------

Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính (1+2+3)			54.756,9	54.756,9	0,0
1	Đất nông nghiệp	NNP	54.756,9	54.756,9	
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	47.425,0	47.442,0	-17
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	8.529,9	8.534,1	-4,3
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	7.480,5	7.483,7	-3,2
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	3.900,7	3.902,3	-1,6
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.579,8	3.581,4	-1,6
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	38.795,2	38.807,8	-12,7
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	31.478,5	31.490,3	-11,8
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	6.247,0	6.247,8	-0,8
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD	1.069,7	1.069,7	
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	98,7	98,8	-0,1
1.4	Đất làm muối	LMU			
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	1,2	1,2	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2.810,4	2.797,2	13,2
2.1	Đất ở	OTC	676,6	676,6	0,1
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	619,0	619,0	0,1
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	57,6	57,6	
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	1.354,6	1.341,4	13,2
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	8,7	8,7	
2.2.2	Đất quốc phòng	CQP	17,5	17,5	
2.2.3	Đất an ninh	CAN	1,5	1,5	
2.2.4	Đất xây dựng công trình sự	DSN	64,9	64,9	-0,1
2.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi	CSK	35,2	35,2	-0,0
2.2.6	Đất có mục đích công cộng	CCC	1.226,9	1.213,6	13,3
2.3	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,1	0,1	
2.4	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	4,9	4,9	-0,0
2.5	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT	NTD	27,4	27,4	
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	715,6	715,6	-0,0
2.7	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	31,2	31,2	
2.8	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0	0	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	4.521,4	4.517,7	3,8
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	329,1	324,9	4,2
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	655,4	655,8	-0,4
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS	3.536,9	3.537,0	-0,0

*** Đánh giá hiện trạng sử dụng đất:**

Hiện nay tình hình quản lý, sử dụng đất của các tổ chức và hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện đã đi vào nề nếp ổn định. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được giao sử dụng đất sử dụng đúng mục đích, đúng vị trí không để xảy ra tranh chấp, đặc biệt không để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân lấn chiếm đất công.

- **Đối với nhóm đất nông nghiệp:** so với năm 2019 giảm 17ha;
- **Đối với nhóm đất phi nông nghiệp:** so với năm 2019 tăng 13,2ha;
- **Đối với nhóm chưa sử dụng:** so với năm 2019 tăng 3,8ha;

Nhìn chung hiện trạng sử dụng đất trên địa bàn huyện sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng theo Luật Đất đai quy định; các tổ chức, hộ gia đình cá nhân được sử dụng đất đều tuân thủ theo pháp luật quy định.

3.2. Phân tích nguyên nhân biến động

a) Đất nông nghiệp: diện tích 47.425,0ha, so với năm 2019 giảm 17,0ha.

*** Đất sản xuất nông nghiệp:** diện tích 8.529,9ha giảm 4,3ha so với năm 2019. Trong đó:

- Đất trồng cây hàng năm: diện tích 7.480,5ha, giảm 3,2ha so với năm 2019.
- + Đất trồng lúa: giảm 1,6ha, do chuyển sang đất ở tại nông thôn 0,3ha; đất có mục đích công cộng là 1,4ha.
- + Đất trồng cây hàng năm khác: giảm 1,6ha, do chuyển sang đất ở tại nông thôn 0,02ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,03ha; chuyển sang đất có mục đích công cộng 1,5ha; chuyển sang đất bằng chưa sử dụng là 0,02ha.

Do các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xin chuyển mục đích từ đất nông nghiệp, sang đất ở, thực hiện công trình nâng cấp, cải tạo đường Lùng Pa - Pắc Kéo trên địa bàn xã An Sơn, đường Thị trấn - Pắc Kéo qua địa bàn xã An Sơn và thị trấn Văn Quan; mở rộng, mở mới đường giao thông nội đồng, giao thông nông thôn tại xã Tràng Phái, xã Tân Đoàn, Trấn Ninh, Đồng Giáp; cầu Nà Sáng tại thị trấn Văn Quan, cầu Văn An - Nhạc Kỳ tại xã Diêm He, cầu Xuân Lũng tại xã Khánh Khê, mở rộng trường tiểu học thị trấn Văn Quan. Thực hiện thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng nhà máy chế biến Hoa Hồi Lạng Sơn tại thị trấn Văn Quan,...

- Đất trồng cây lâu năm: diện tích 1.049,3 ha, giảm 1,1 ha so với năm 2019.

*** Đất lâm nghiệp:** diện tích 38.795,2 ha giảm 12,7 ha so với năm 2019. Trong đó:

- Đất rừng sản xuất: giảm 11,8ha;
- Đất rừng phòng hộ: giảm 0,8ha;
- Đất rừng đặc dụng: không biến động so với năm 2019.

Do thực hiện công trình nâng cấp, cải tạo đường Lùng Pa - Pắc Kéo trên địa bàn xã An Sơn, đường Thị trấn - Pắc Kéo qua địa bàn xã An Sơn và thị trấn Văn Quan; đường Trấn Ninh - Song Giang. Thực hiện thu hồi đất thực hiện dự án xây

dựng nhà máy chế biến Hoa Hồi Lạng Sơn, mở rộng, mở mới đường giao thông tại xã Tân Đoàn,...

* **Đất nuôi trồng thủy sản:** giảm 0,1ha, do chuyển sang đất có mục đích công cộng.

Do thực hiện công trình nâng cấp, cải tạo đường Lùng Pa - Pắc Kéo trên địa bàn xã An Sơn, đường Thị trấn - Pắc Kéo qua địa bàn xã An Sơn và thị trấn Văn Quan.

b) Đất phi nông nghiệp: diện tích 2.810,4 ha, tăng 13,2ha, so với năm 2019. Trong đó:

* **Đất ở:** tăng 0,1ha so với năm 2019; do các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xin chuyển mục đích từ đất nông nghiệp, sang đất ở (xã Tú Xuyên, xã Khánh Khê, xã Tân Đoàn,...)

* **Đất chuyên dùng:** diện tích tăng 13,2ha, trong đó:

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: diện tích 8,7ha, không biến động so với năm 2019;

- Đất quốc phòng: diện tích 17,5ha, không biến động so với năm 2019;

- Đất an ninh: diện tích 1,5ha, không biến động so với năm 2019;

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: giảm 0,1ha so với năm 2019, do thực hiện công trình nâng cấp, cải tạo đường Lùng Pa - Pắc Kéo trên địa bàn xã An Sơn, đường Thị trấn - Pắc Kéo qua địa bàn xã An Sơn và thị trấn Văn Quan;

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: diện tích 35,2ha;

- Đất có mục đích công cộng: tăng 13,3ha so với năm 2019; do chuyển từ đất trồng lúa 1,4ha; đất trồng cây hàng năm 1,5ha; đất trồng cây lâu năm 1,0ha; đất rừng sản xuất 7,7 ha; đất rừng phòng hộ 0,8ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,1 ha, đất chưa sử dụng 0,1ha.

Năm 2020, thực hiện các công trình dự án như nâng cấp, cải tạo đường Lùng Pa - Pắc Kéo trên địa bàn xã An Sơn, đường Thị trấn - Pắc Kéo qua địa bàn xã An Sơn và thị trấn Văn Quan; cầu Nà Sáng tại thị trấn Văn Quan, cầu Văn An - Nhạc Kỳ tại xã Điềm He, cầu Xuân Lũng tại xã Khánh Khê, mở rộng trường tiểu học thị trấn Văn Quan, mở rộng, mở mới đường giao thông nội đồng, giao thông nông thôn tại xã Tràng Phái, xã Tân Đoàn, Trấn Ninh, Đồng Giáp,...

* **Đất cơ sở tôn giáo:** diện tích 0,1ha, không biến động so với năm 2019.

* **Đất cơ sở tín ngưỡng:** diện tích 4,9ha.

* **Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT:** diện tích 27,4ha, không biến động so với năm 2019;

* **Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:** diện tích 715,6ha, không biến động so với năm 2019;

* **Đất có mặt nước chuyên dùng:** diện tích 31,2ha, không biến động so với năm 2019;

c) Đất chưa sử dụng: diện tích 4.521,4 ha, so với năm 2019 giảm 3,8ha ; trong đó :

* Đất bằng chưa sử dụng: tăng 4,2ha, do chuyển từ đất rừng sản xuất là 4,1ha, đất trồng cây hàng năm khác và đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,1ha, đất do UBND huyện thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến Hoa Hôi Lạng Sơn tại thị trấn Văn Quan.

* Đất đồi núi chưa sử dụng: giảm 0,4ha, do chuyển sang đất có mục đích công cộng, đất bằng chưa sử dụng, để thực hiện công trình nâng cấp, cải tạo, mở rộng, mở mới đường giao thông nông thôn, giao thông nội đồng trên địa bàn huyện, thực hiện dự án nhà máy chế biến hoa Hôi Lạng Sơn.

* Đất núi đá không có rừng cây: diện tích là 3.536,9 ha.

(Chi tiết tại các biểu 01/TKĐĐ; 02/TKĐĐ; 03/TKĐĐ; 04/TKĐĐ; 05/TKĐĐ; 11/TKĐĐ; 12/TKĐĐ; 13/TKĐĐ; 14/TKĐĐ; 15/TKĐĐ kèm theo)

III. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

1. Kết luận

Công tác thống kê đất đai năm 2020 của huyện Văn Quan được thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất và các văn bản khác của các cấp, các ngành. Số liệu thống kê diện tích đất đai năm 2020 huyện Văn Quan được xây dựng trên cơ sở tổng hợp kết quả thống kê đất đai năm 2020 của 17 đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

Thông qua thống kê đất đai năm 2020 UBND huyện xác định được hiện trạng quỹ đất đang sử dụng vào các mục đích chính và từng loại đất chi tiết; chỉ rõ diện tích đất theo đối tượng sử dụng và đối tượng được giao để quản lý; xác định được quỹ đất chưa sử dụng gồm đất đồi núi chưa sử dụng, đất bằng chưa sử dụng và núi đá không có rừng cây, làm cơ sở cho việc quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện một cách chặt chẽ hơn, đồng thời giúp cho việc thực hiện lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất có hiệu quả hơn. Qua đây đã đánh giá được thực trạng sử dụng đất và tình hình biến động sử dụng đất từ 01/01/2020 đến 31/12/2020.

2. Kiến nghị

Trong quá trình tổng hợp số liệu trên phần mềm Tk Online của Bộ Tài nguyên và Môi trường vẫn còn gặp khó khăn trong quá trình nhận, gửi số liệu, kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, góp ý khắc phục lỗi phần mềm để công tác thống kê đất đai đảm bảo được thời gian theo quy định.

Công tác thống kê đất đai năm 2020 của huyện đã được thực hiện và đạt được kết quả nhất định. Để đáp ứng yêu cầu về độ chính xác của số liệu phục vụ cho công tác quản lý Nhà nước về đất đai nói chung và công tác thống kê, kiểm kê đất đai nói

riêng trong những năm tới đạt hiệu quả cao, làm cơ sở cho việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới của địa phương. Ủy ban nhân dân huyện Văn Quan kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường quan tâm thường xuyên mở lớp tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ địa chính các xã, thị trấn (nhất là kỹ thuật - công nghệ tin học ứng dụng để áp dụng vào công tác chuyên môn), phục vụ thiết thực cho công tác quản lý Nhà nước về đất đai nói riêng và công tác quản lý Nhà nước về Tài nguyên và Môi trường nói chung, góp phần vào sự phát triển chung của huyện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Sở TN&MT (BC);
- TT HU, TT HĐND huyện (BC);
- CT, các PCT UBND huyện;
- CVP, các PCVP HĐND&UBND huyện;
- Phòng TN&MT;
- Lưu: VT.

Hứa Phong Lan